

Số: 62/2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2021

THÔNG TƯ

**Ban hành Quy chế tài chính của
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 129/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Hội đồng thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư ban hành Quy chế tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15/09/2021 và áp dụng từ năm tài chính 2021. Thông tư này thay thế Thông tư số 134/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 09 năm 2016 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Việt Nam.

Điều 3. Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. *W*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở TC, Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục TCDN. (250b) *my*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Huỳnh Quang Hải

QUY CHẾ TÀI CHÍNH

của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam
(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 07 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cơ chế quản lý tài chính đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoạt động theo quy định tại Nghị định số 129/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 129/2020/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam (sau đây gọi là DATC hoặc Công ty).
2. Tổ chức, cá nhân liên quan đến cơ chế quản lý tài chính của DATC.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Công ty được xác lập quyền sở hữu, quyền quản lý và sử dụng đối với nợ và tài sản đã mua, tiếp nhận; thực hiện quản lý, sử dụng và hạch toán theo dõi các khoản nợ và tài sản theo quy định tại Quy chế này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.
2. Mỗi khoản nợ mua của Công ty (theo thỏa thuận hoặc chỉ định) được xác định là một loại hàng hóa, Công ty có trách nhiệm tổ chức hạch toán, theo dõi từng khoản nợ mua.
3. Đối với các khoản nợ và tài sản tiếp nhận từ các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu hoặc tiếp nhận theo chỉ định của cấp có thẩm quyền, sau khi tiếp nhận, Công ty quản lý, theo dõi ngoài Báo cáo tình hình tài chính và xử lý theo quy định của pháp luật và Quy chế này.
4. Việc chuyển nợ thành vốn góp gắn với tái cơ cấu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu được thực hiện theo phương án đã thỏa thuận (bằng văn bản) với cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án tái cơ cấu doanh nghiệp, phù hợp quy định của pháp luật về sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp khác, việc chuyển nợ thành vốn góp gắn với tái cơ cấu doanh nghiệp thực hiện theo nguyên tắc thỏa thuận với chủ sở hữu doanh nghiệp.

5. Việc sử dụng các khoản nợ và tài sản để góp vốn theo nguyên tắc có hiệu quả trên cơ sở phương án mua, xử lý nợ và tài sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Các tài sản (không bao gồm nợ) trước khi góp vốn phải được xác định lại giá trị bởi các tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật.

6. Khi thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, mua, bán, xử lý nợ và tài sản theo chỉ định của cấp có thẩm quyền, Công ty triển khai thực hiện trên cơ sở phương án phù hợp với ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và quy định tại Điều lệ của Công ty.

7. DATC không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của các doanh nghiệp có vốn góp chi phối của DATC thông qua tái cơ cấu nợ theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp.

DATC thực hiện thoái vốn trong thời hạn 05 năm kể từ ngày DATC chính thức trở thành cổ đông tại các doanh nghiệp có vốn góp chi phối thông qua tái cơ cấu. Trường hợp quá thời hạn 05 năm mà DATC chưa thực hiện thoái vốn, DATC báo cáo nguyên nhân và đề xuất biện pháp xử lý để Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến bằng văn bản.

8. DATC thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1 **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN**

Điều 4. Vốn hoạt động của Công ty

1. Vốn chủ sở hữu của Công ty, gồm:

- a) Vốn điều lệ của Công ty theo quy định của pháp luật;
- b) Vốn tự tích lũy từ hoạt động kinh doanh được bổ sung vào nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu;
- c) Các nguồn vốn chủ sở hữu khác theo quy định của pháp luật.

2. Vốn huy động bằng các hình thức: vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính; vay của tổ chức, cá nhân ngoài doanh nghiệp, của người lao động; phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Huy động vốn

1. Nguyên tắc huy động vốn:

- a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Phương án huy động vốn đảm bảo có hiệu quả và khả năng thanh toán nợ;
- c) Người phê duyệt phương án huy động vốn chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra, bảo đảm vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả;
- d) Việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, vay hoặc phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định của pháp luật có liên quan;
- đ) Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
- e) Việc huy động vốn phục vụ hoạt động kinh doanh (bao gồm cả các khoản bảo lãnh vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với công ty con quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và đối với doanh nghiệp tái cơ cấu do DATC nắm giữ trên 50% vốn điều lệ quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 129/2020/NĐ-CP) phải bảo đảm tổng số nợ phải trả không quá ba lần vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn, trong đó:

- Vốn chủ sở hữu ghi trên Báo cáo tình hình tài chính trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty được xác định không bao gồm chỉ tiêu “nguồn kinh phí và quỹ khác”.

- Nợ phải trả ghi trên Báo cáo tình hình tài chính trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty được xác định không bao gồm các chỉ tiêu: Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; các Quỹ thành lập tại DATC theo Quyết định của cấp có thẩm quyền để thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ định, các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc phát hành trái phiếu, hối phiếu và công cụ nợ khác có bảo lãnh của Chính phủ để thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ định.

2. Thẩm quyền huy động vốn:

- a) Hội đồng thành viên Công ty thực hiện việc huy động vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;
- b) Hội đồng thành viên phân cấp cho Tổng Giám đốc quyết định phương án huy động vốn thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;
- c) Trường hợp huy động vốn trên mức quy định tại điểm a khoản này, huy